

CÔNG TY CỔ PHẦN X20
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026



CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	08 - 09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót,
phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

đính kèm Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Chúng tôi, các thành viên Ban Điều hành Công ty Cổ phần X20 (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026.

Hội đồng quản trị và Ban Điều hành

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Chu Văn Đệ	Chủ tịch
Ông Hoàng Sỹ Tâm	Phó Chủ tịch
Ông Lê Thiết Hùng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 22/6/2026)
Ông Phạm Văn Đông	Thành viên
Ông Lê Văn Nghĩa	Thành viên
Ông Đỗ Hoàng Sơn	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên độc lập

Ban Điều hành

Ông Chu Văn Đệ	Người đại diện theo pháp luật của Công ty
Ông Hoàng Sỹ Tâm	Tổng Giám đốc
Ông Lê Thiết Hùng	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 07/4/2026)
Ông Phạm Văn Đông	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Văn Nghĩa	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót,
phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

đính kèm Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

(tiếp theo)

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành

CÔNG TY CỔ PHẦN X20



Chu Văn Đệ

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2026

Số: 2708.03-26/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2026

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần X20**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần X20 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 8 năm 2026, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/06/2026, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Ngô Bá Duy

Phó Tổng giám đốc - Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN X20Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026
đến ngày 30/6/2026

Mẫu số B 01a - DN/HN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026	01/01/2026 (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		333.435.104.290	406.414.181.317
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	85.938.490.089	132.953.707.648
1. Tiền	111		56.920.531.185	72.743.221.348
2. Các khoản tương đương tiền	112		29.017.958.904	60.210.486.300
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	100.502.623.147	26.013.748.218
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		100.502.623.147	26.013.748.218
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.477.993.934	101.566.832.997
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	25.058.599.899	97.659.327.181
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	4.950.182.617	3.243.602.228
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5.	845.751.416	663.903.588
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6.	(376.539.998)	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7.	111.745.048.084	142.028.472.059
1. Hàng tồn kho	141		113.793.115.399	144.395.608.163
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(2.048.067.315)	(2.367.136.104)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		4.770.949.036	3.851.420.395
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8.	2.957.448.562	1.976.071.356
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		320.766.142	1.736.919.734
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	163	V.15.	1.492.734.332	138.429.305
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		179.597.674.573	192.798.799.848
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		141.847.305	3.900.000
1. Phải thu dài hạn khác	215	V.5.	141.847.305	3.900.000
II. Tài sản cố định	220		163.147.428.836	173.610.568.272
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9.	151.590.874.133	162.190.642.288
- Nguyên giá	222		531.873.913.589	531.422.058.684
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(380.283.039.456)	(369.231.416.396)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10.	11.556.554.703	11.419.925.984
- Nguyên giá	228		13.947.332.847	13.552.332.847
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.390.778.144)	(2.132.406.863)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250	V.11.	2.764.312.296	2.351.202.127
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		2.764.312.296	2.351.202.127
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	V.2.	4.170.730.711	3.931.375.462
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		4.170.730.711	3.931.375.462
VII. Tài sản dài hạn khác	270		9.373.355.425	12.901.753.987
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8.	9.158.199.240	12.901.753.987
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.21.	215.156.185	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		513.032.778.863	599.212.981.165

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)

CÔNG TY CỔ PHẦN X20Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026
đến ngày 30/6/2026

Mẫu số B 01a - DN/HN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘTại ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026	01/01/2026 (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		209.826.737.822	307.107.647.915
I. Nợ ngắn hạn	310		199.061.483.434	294.667.616.164
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	62.401.711.229	151.197.764.117
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	19.284.283.898	593.560.976
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.14.	221.700.000	221.700.000
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước ngắn hạn	314	V.15.	8.562.459.746	10.194.106.485
5. Phải trả người lao động	315		69.257.316.532	89.364.715.110
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.16.	5.738.861.745	7.437.472.259
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319	V.17.	539.423.416	534.559.781
8. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.18.	6.536.153.453	11.522.700.133
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.20.	2.772.000.000	2.772.000.000
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322	V.19.	11.860.842.666	12.391.866.730
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		11.886.730.749	8.437.170.573
II. Nợ dài hạn	330		10.765.254.388	12.440.031.751
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	337	V.17.	288.040.500	363.181.500
2. Phải trả dài hạn khác	338	V.18.	1.858.000.000	1.858.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.20.	6.329.173.006	7.715.173.006
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		2.290.040.882	2.503.677.245
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.22.	303.206.041.041	292.105.333.250
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.500.000.000	172.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172.500.000.000	172.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		92.117.686.342	87.117.686.342
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		38.588.354.699	32.487.646.908
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		20.937.434.034	7.020.878.102
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		17.650.920.665	25.466.768.806
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		513.032.778.863	599.212.981.165

Phê duyệt, ngày 25 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trần Thị Thúy Hằng

Ngô Thị Hoa



Chu Văn Đệ

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)

CÔNG TY CỔ PHẦN X20Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026
đến ngày 30/6/2026**Mẫu B 02a - DN/HN****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	514.171.820.097	427.885.087.180
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		514.171.820.097	427.885.087.180
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	415.090.495.197	360.349.536.932
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		99.081.324.900	67.535.550.248
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3.	3.699.802.387	1.890.156.154
8. Chi phí tài chính	23	VI.4.	496.437.918	503.570.089
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		475.994.046	481.865.396
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7.	8.705.477.613	4.243.777.613
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	70.898.454.447	47.062.186.802
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		381.307.947	167.347.387
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+21+(22-23)-(25+26)+27}	30		23.062.065.256	17.783.519.285
13. Thu nhập khác	31	VI.5.	93.478.748	1.261.724.465
14. Chi phí khác	32	VI.6.	1.118.535	102.205.524
15. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		92.360.213	1.159.518.941
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		23.154.425.469	18.943.038.226
17. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9.	5.718.660.989	3.712.992.466
18. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(215.156.185)	-
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		17.650.920.665	15.230.045.760
20. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		17.650.920.665	15.230.045.760
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	1.023	721

Phê duyệt, ngày 25 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trần Thị Thúy Hằng

Ngô Thị Hoa

Chu Văn Đệ

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
				Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		23.154.425.469	18.943.038.226
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		16.290.699.919	16.457.408.866
-	Các khoản dự phòng	03		(473.552.855)	(32.062.553.360)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(245.421.392)	(191.959.470)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(3.499.077.926)	(1.526.265.979)
-	Chi phí đi vay	06		475.994.046	481.865.396
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		(355.589.061)	(4.624.760.544)
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		35.347.478.200	(2.523.226.865)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		71.559.721.512	42.112.105.786
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		30.602.492.764	35.299.483.727
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(102.682.259.930)	(146.939.399.922)
-	Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		2.762.177.541	1.332.430.091
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(475.994.046)	(481.865.396)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.390.515.928)	(6.459.929.121)
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.558.700.000)	(5.833.717.485)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		31.164.400.113	(83.494.119.185)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.240.670.652)	(26.558.328.061)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		89.369.259	18.358.558
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(76.351.372.602)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.500.000.000	-
5.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.964.733.736	1.608.451.036
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(77.037.940.259)	(24.931.518.467)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

(tiếp theo)

				Đơn vị tính: VND	
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.386.000.000)	(1.386.000.000)
2.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(930.200)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.386.000.000)	(1.386.930.200)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(47.259.540.146)	(109.812.567.852)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		132.953.707.648	231.086.174.686
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		244.322.587	186.409.395
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61) (70 = 50+60+61)	70	V.1.	85.938.490.089	121.460.016.229

Phê duyệt, ngày 25 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Trần Thị Thúy Hằng



Ngô Thị Hoa



Chu Văn Đệ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần X20 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty 20 thuộc Tổng cục Hậu cần, theo Quyết định số 3967/QĐ-BQP ngày 28/12/2007 của Bộ Quốc phòng, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109339 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 31/12/2008, Công ty có 12 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 10/5/2024 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh thì Vốn điều lệ của Công ty là **172.500.000.000 VND** (Một trăm bảy mươi hai tỷ, năm trăm triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là X20.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh mặt hàng dệt và may mặc.

3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là:

- Kinh doanh hàng dệt, nhuộm, may, nguyên phụ liệu hàng dệt, nhuộm, may; Kinh doanh nhiên liệu, hóa chất, thuốc nhuộm phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành dệt, nhuộm, may; Dịch vụ tư vấn quản lý và kỹ thuật trong ngành dệt, nhuộm và may; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;

- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn như: quần áo chống cháy, dây bảo hiểm, phao cứu sinh, ...; Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sơn cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, ...;

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Trụ sở chính của Công ty: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong khoảng thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
1. Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	Lô 01, KCN Hòa Xá, phường Thành Nam, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt, nhuộm, may	100%	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	TDP An Thái, xã Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt may in	100%	100%	100%
3. Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	Số 01 phố Tuệ Tĩnh, Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm may mặc	100%	100%	100%

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)*

4. Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	Lô 04, KCN Tây Bắc Ga, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt, nhuộm, may	100%	100%	100%
-----------------------------------	---	---	------	------	------

Thông tin chi tiết về công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần 199 có trụ sở chính tại thôn Mậu Chử, xã Liêm Hà, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty liên kết này là sản xuất hàng may sẵn. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty liên kết là 33,4%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Xí Nghiệp Đo may Quân đội	Phường Phúc Đồng, Long Biên, TP. Hà Nội
2. Chi nhánh Miền Trung - Công ty Cổ phần X20	Số 78 Tuệ Tĩnh, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
3. Trường mầm non X20	Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, TP. Hà Nội

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Số liệu so sánh là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 của Công ty đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này như trình bày tại thuyết minh số VIII.6, Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

7. Nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 30/6/2026 là 1.746 người (Tại ngày 31/12/2025: 1.911 người).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và thông tư số 202/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/4/2026 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư 99 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ban Điều hành đã áp dụng Thông tư 99 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 43/2026/TT-BTC (“Thông tư 43”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 43 có hiệu lực đối với việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Ban Điều hành đã áp dụng Thông tư 43 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026.

IV. Các chính sách kế toán, ước tính kế toán và các quy định pháp luật có liên quan áp dụng**1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Do tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết tại tất cả các Công ty con là 100% nên không có lợi ích cổ đông không kiểm soát.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con.

Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Trường hợp giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh, thì khoản chênh lệch này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán/năm phát sinh giao dịch mua công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này, ngoại trừ số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

4. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập khi nếu có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty có khả năng không thu hồi được.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể là quyền tham gia của Công ty vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách đó.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày bên được đầu tư trở thành công ty liên kết. Tại ngày mua khoản đầu tư vào công ty liên kết, bất kỳ phần chênh lệch nào giữa giá phí khoản đầu tư lớn hơn phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết sẽ được ghi nhận là lợi thế thương mại, được trình bày gộp vào giá trị của khoản đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

Bất kỳ phần chênh lệch nào giữa phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết lớn hơn giá phí khoản đầu tư, sau khi đã đánh giá lại, được ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà khoản đầu tư được mua.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả kinh doanh của công ty liên kết. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận, ngoại trừ trường hợp Công ty có nghĩa vụ pháp lý theo hợp đồng hoặc thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết các khoản nợ mà Công ty đã đảm bảo hoặc cam kết trả, theo đó, Công ty có cam kết gánh lỗ cho công ty liên kết hoặc cho phép công ty liên kết không phải hoàn trả/bồi hoàn đối với khoản nợ mà Công ty đã thanh toán thay. Nếu sau đó công ty liên kết hoạt động có lãi, Công ty chỉ ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

Khi các công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch (theo chiều xuôi hoặc ngược) với một công ty liên kết với Công ty, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ các giao dịch này được điều chỉnh theo quy định kế toán hiện hành.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

7. Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty xác định giá trị hàng xuất kho theo từng lần phát sinh.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán các sản phẩm đó.

Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi hàng tồn kho bị hư hỏng, lỗi thời, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

8. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định đến vị trí và trạng thái có khả năng hoạt động.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	07 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05
Tài sản khác	02 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

9. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất, Chương trình phần mềm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau: Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (20 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 05 năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí cải tạo nhà xưởng, chi phí triển khai phần mềm sản xuất và chi phí thi công các hạng mục Chi nhánh Miền Trung được ghi nhận theo giá gốc.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các chi phí chờ phân bổ khác.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định thể hiện các chi phí chính phát sinh trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 12 tháng đến 36 tháng.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

12. Nguyên tắc kế toán các khoản phải trả người bán

Phải trả người bán là các khoản nợ phải trả phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ hoặc tài sản từ người bán trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Các khoản phải trả người bán được thể hiện theo giá gốc.

13. Nguyên tắc kế toán phải trả cổ tức, lợi nhuận

Phải trả cổ tức, lợi nhuận phản ánh số cổ tức phải trả cho các cổ đông. Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật.

14. Nguyên tắc ghi nhận vay

Vay được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ đi vay trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

15. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước tiền thuê đất Quốc phòng, chi phí dự án xây dựng nhà chung cư, các chi phí trích trước khác, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

Mẫu số B 09a - DN/HN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

17. Nguyên tắc kế toán khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ, có khả năng Công ty sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó và giá trị của nghĩa vụ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Điều hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa phản ánh chi phí ước tính cho nghĩa vụ bảo hành sản phẩm, hàng hóa được xác định là tiêu thụ trong kỳ và dựa trên ước tính của Ban Điều hành về khoản chi phí cần thiết để thực hiện nghĩa vụ bảo hành của Công ty.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng thuê tài sản đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chờ phân bổ tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chờ phân bổ sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ kế toán tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Cổ phiếu phát hành để tăng vốn điều lệ, vốn góp của cổ đông được ghi nhận theo số tiền thực tế thu được tương ứng với mệnh giá cổ phiếu phát hành thành công.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Số cổ tức được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công. Giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công được theo dõi riêng và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập từ các hoạt động không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu từ các hoạt động chính.

21. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ và được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

22. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

23. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng là các khoản chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí phát sinh liên quan hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp, không trực tiếp gắn với hoạt động bán hàng hoặc sản xuất và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

24. Các nghĩa vụ về thuế**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và thuế TNDN hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi Công ty có khả năng chắc chắn thu được lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)***26. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

27. Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh sản phẩm may mặc và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2026	01/01/2026 (Trình bày lại)
	VND	VND
Tiền	56.920.531.185	72.743.221.348
Tiền mặt	6.444.797.602	6.199.162.528
Tiền gửi ngân hàng VND	35.750.062.340	59.120.272.249
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - CN Nam Định	12.168.426.156	19.536.689.520
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long	6.803.851.823	8.652.036.672
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	2.533.110.380	21.954.887.059
Tiền gửi không kỳ hạn tại các Ngân hàng khác	14.244.673.981	8.976.658.998
Tiền gửi ngân hàng USD	14.618.627.428	7.296.939.158
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	2.251.150.126	1.607.701.551
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thái Nguyên	11.689.102.940	5.567.734.953
Tiền gửi không kỳ hạn tại các Ngân hàng khác	678.374.362	121.502.654
Tiền đang chuyển	107.043.815	126.847.413
Tương đương tiền (*)	29.017.958.904	60.210.486.300
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long	12.017.958.904	25.068.972.602
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Đồng Đa	15.000.000.000	25.080.034.246
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thái Nguyên	-	10.061.479.452
Các khoản tương đương tiền tại ngân hàng khác	2.000.000.000	-
Cộng	85.938.490.089	132.953.707.648

(*) Các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn không quá 3 tháng, lãi suất theo từng hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Mẫu số B 09a - DN/HN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2026			01/01/2026 (Trình bày lại)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn						
Tiền gửi có kỳ hạn (*)		-				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang	106.509.022	106.509.022	-	104.392.055	104.392.055	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thăng Long	20.215.671.233	20.215.671.233	-	3.549.364.384	3.549.364.384	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Láng Hạ	61.791.470.289	61.791.470.289	-	17.043.073.971	17.043.073.971	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	5.214.178.082	5.214.178.082	-	5.016.917.808	5.016.917.808	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	12.874.794.521	12.874.794.521	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Định	300.000.000	300.000.000	-	300.000.000	300.000.000	-
Cộng	100.502.623.147	100.502.623.147	-	26.013.748.218	26.013.748.218	-

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 - 12 tháng, lãi suất theo từng hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Mẫu số B 09a - DN/HN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

	30/6/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở	Giá trị dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần 199 (*)	4.170.730.711	-	3.931.375.462	-
Cộng	4.170.730.711	-	3.931.375.462	-

(*) Công ty Cổ phần 199 hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa và phân phối lợi nhuận.

Công ty chưa đánh giá giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026

đến ngày 30/6/2026

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

3. Phải thu của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	30/6/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
a) Ngắn hạn				
Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên	-	-	10.474.110.000	-
Công ty CP sản xuất và Thương mại Kim Ánh	386.269.778	-	7.051.084.952	-
Cục Quân nhu - Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật	-	-	57.466.768.943	-
Tập đoàn Công nghiệp - viễn thông Quân Đội	-	-	4.204.592.012	-
Công ty CP Thời trang Haki	-	-	5.262.137.280	-
Công ty Cổ phần 26	5.295.024.000	-	-	-
Công ty TNHH Young One Bắc Giang	3.699.862.030	-	2.562.725.726	-
Công ty TNHH PS VINA	3.350.603.435	-	-	-
Các đối tượng khác	12.326.840.656	(376.539.998)	10.637.908.268	-
Cộng	25.058.599.899	(376.539.998)	97.659.327.181	-

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

4. Trả trước cho người bán

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH phát triển VBM Việt Nam	-	1.723.031.521
Công ty TNHH Sao Việt	3.029.940.000	-
Công ty CP VBM Thịnh vượng	-	744.725.745
Các đối tượng khác	1.920.242.617	775.844.962
Cộng	4.950.182.617	3.243.602.228

5. Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	30/6/2026		01/01/2026	
			(Trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	845.751.416	-	663.903.588	-
Cầm cố, ký cược, ký quỹ	422.127.622	-	48.096.980	-
Phải thu khác	29.000.000	-	10.000.000	-
	210.652.018	-	485.642.067	-

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026
đến ngày 30/6/2026

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

Dư nợ phải trả khác	183.971.776	-	120.164.541	-
b) Dài hạn	141.847.305	-	3.900.000	-
Cầm cố, ký cược, ký quỹ	141.847.305	-	3.900.000	-
Cộng	987.598.721	-	667.803.588	-

6. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	30/6/2026		01/01/2026	
	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
Phải thu khách hàng				
Công ty TNHH DV TM Vinh Anh	933.199.996	556.659.998	-	-
Cộng	933.199.996	556.659.998	-	-

7. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/6/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	28.431.759.481	(1.073.915.383)	19.050.479.022	(1.292.778.662)
Công cụ, dụng cụ	835.009.028	-	570.577.844	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.870.416.630	-	25.317.459.840	-
Sản phẩm	56.343.351.038	(974.151.932)	96.399.338.365	(1.074.357.442)
Hàng hoá	3.312.579.222	-	3.057.753.092	-
Cộng	113.793.115.399	(2.048.067.315)	144.395.608.163	(2.367.136.104)

8. Chi phí chờ phân bổ

30/6/2026
VND

01/01/2026
VND

a) Ngắn hạn	2.957.448.562	1.976.071.356
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1.304.337.410	1.540.010.430
Chi phí sửa chữa, cải tạo chờ phân bổ	-	40.400.000
Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	461.635.863	132.303.982
Chi phí thuê mặt bằng, thuê đất	399.318.810	-
Chi phí chờ phân bổ khác	792.156.479	263.356.944
b) Dài hạn	9.158.199.240	12.901.753.987
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1.736.694.508	8.733.745.050
Chi phí sửa chữa, cải tạo chờ phân bổ	6.991.607.547	3.925.324.989
Chi phí chờ phân bổ khác	429.897.185	242.683.948
Cộng	12.115.647.802	14.877.825.343

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Mẫu số B 09a - DN/HN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND Cộng
<i>Nguyên giá</i>						
Số dư ngày 01/01/2026	289.971.730.356	204.705.857.977	23.038.204.581	8.457.973.643	5.248.292.127	531.422.058.684
Mua trong kỳ	63.208.350	2.217.103.291	-	431.271.168	-	2.711.582.809
Đầu tư XD CB hoàn thành	2.720.977.674	-	-	-	-	2.720.977.674
Thanh lý nhượng bán	(721.900.561)	(4.258.805.017)	-	-	-	(4.980.705.578)
Số dư ngày 30/06/2026	292.034.015.819	202.664.156.251	23.038.204.581	8.889.244.811	5.248.292.127	531.873.913.589
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>						
Số dư ngày 01/01/2026	190.746.331.600	150.168.070.032	17.254.202.815	6.671.290.653	4.391.521.296	369.231.416.396
Khấu hao trong kỳ	7.707.513.284	7.067.892.440	797.397.802	449.900.112	9.625.000	16.032.328.638
Thanh lý, nhượng bán	(721.900.561)	(4.258.805.017)	-	-	-	(4.980.705.578)
Số dư ngày 30/06/2026	197.731.944.323	152.977.157.455	18.051.600.617	7.121.190.765	4.401.146.296	380.283.039.456
<i>Giá trị còn lại</i>						
Tại ngày 01/01/2026	99.225.398.756	54.537.787.945	5.784.001.766	1.786.682.990	856.770.831	162.190.642.288
Tại ngày 30/06/2026	94.302.071.496	49.686.998.796	4.986.603.964	1.768.054.046	847.145.831	151.590.874.133

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026 là 191.205.039.888 đồng (Tại ngày 31/12/2025 là 181.131.873.854 đồng)

Chi tiết danh mục các tài sản cố định hữu hình đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định hữu hình trở lên:

Tên tài sản cố định

Dây chuyền máy nhuộm liên tục

Cộng**30/6/2026**

Nguyên giá

VND

22.893.872.068

22.893.872.068

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026
đến ngày 30/6/2026

Mẫu số B 09a - DN/HN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư ngày 01/01/2026	11.407.938.627	2.144.394.220	13.552.332.847
Mua trong kỳ	-	395.000.000	395.000.000
Số dư ngày 30/06/2026	11.407.938.627	2.539.394.220	13.947.332.847
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư ngày 01/01/2026	808.975.872	1.323.430.991	2.132.406.863
Khấu hao trong kỳ	47.586.816	210.784.465	258.371.281
Số dư ngày 30/06/2026	856.562.688	1.534.215.456	2.390.778.144
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày 01/01/2026	10.598.962.755	820.963.229	11.419.925.984
Tại ngày 30/06/2026	10.551.375.939	1.005.178.764	11.556.554.703

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026 là 1.027.167.720 đồng (Tại ngày 31/12/2025 là 333.367.720 đồng)

*) Tài sản cố định vô hình đang hiện hữu có giá trị 10% tổng tài sản cố định vô hình trở lên như sau:

Tên Tài sản cố định	30/6/2026 Nguyên giá VND
Chi phí giải phóng mặt bằng (Lô 01, KCN Hòa Xá, Ninh Bình)	1.903.472.627
Quyền sử dụng đất xí nghiệp 8	5.912.566.000
Quyền sử dụng khu đất tại số 1 ngách 64/3 Phan Đình Giót	3.591.900.000
Cộng	11.407.938.627

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>		
Dự án đầu tư dây chuyền nhuộm liên tục, hoàn tất	138.888.889	138.888.889
Phần mềm chuyên dụng cho ngành dệt may	2.067.500.000	1.505.000.000
Chi phí sửa chữa khác	557.923.407	707.313.238
Cộng	2.764.312.296	2.351.202.127

12. Phải trả người bán

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Công ty CP Nhuộm Hà Nội	-	7.011.242.598
Công ty TNHH Dệt May Châu Giang	16.118.771.165	26.372.145.569
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoa Tiến	7.150.286.955	30.368.761.201

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026

đến ngày 30/6/2026

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Sao Vàng	-	7.408.954.162
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại tổng hợp Nam Hà Nội	6.203.170.096	-
Các đối tượng khác	32.929.483.013	80.036.660.587
Cộng	62.401.711.229	151.197.764.117

b) *Phải trả người bán là các bên liên quan:* Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

13. Người mua trả tiền trước

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
a) <i>Ngắn hạn</i>		
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật	13.131.007.320	-
Bình chủng Hoá học	3.258.000.000	-
Các đối tượng khác	2.895.276.578	593.560.976
Cộng	19.284.283.898	593.560.976

b) *Người mua trả tiền trước là các bên liên quan:* Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

14. Phải trả về cổ tức, lợi nhuận

	30/6/2026 VND	01/01/2026 (Trình bày lại) VND
Phải trả về cổ tức	221.700.000	221.700.000
Cộng	221.700.000	221.700.000

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	01/01/2026	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Đơn vị tính: VND 30/6/2026
a) <i>Phải nộp</i>				
Thuế GTGT đầu ra	6.933.748.403	16.119.599.801	20.391.061.416	2.662.286.788
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.095.182.464	5.718.660.989	3.323.775.215	5.490.068.238
Thuế thu nhập cá nhân	154.079.495	964.263.927	1.040.008.119	78.335.303
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	352.000.000	352.000.000	-
Các loại thuế khác	11.096.123	445.829.143	438.044.725	18.880.541
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	312.888.876	-	312.888.876
Cộng	10.194.106.485	23.561.242.736	25.192.889.475	8.562.459.746
b) <i>Phải thu</i>				
Thuế GTGT đầu ra	-	-	538.483	538.483
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	1.066.740.713	1.066.740.713
Thuế thu nhập cá nhân	138.429.305	472.241.272	759.267.103	425.455.136
Cộng	138.429.305	472.241.272	1.826.546.299	1.492.734.332

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026
đến ngày 30/6/2026

Mẫu số B 09a - DN/HN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

16. Chi phí phải trả

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn		
Trích trước tiền lương nghỉ phép	200.000.000	887.107.419
Trước trước lương tháng 14 (thưởng tết âm)	-	2.092.449.786
Trích trước tiền thuê đất	2.450.004.681	1.673.952.932
Trích trước chi phí Dự án xây dựng nhà chung cư	958.834.999	958.834.999
Trích trước chi phí Tư vấn chiến lược và quản trị vận hành công ty	600.000.000	600.000.000
Trích trước chi phí thuê kho	984.690.750	-
Trích trước chi phí khác	545.331.315	1.225.127.123
Cộng	5.738.861.745	7.437.472.259

17. Doanh thu chưa thực hiện

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
a) Ngắn hạn	539.423.416	534.559.781
Doanh thu nhận trước cho thuê tài sản	351.777.780	339.277.779
Doanh thu nhận trước hợp đồng hợp tác kinh doanh	150.281.998	150.282.000
Doanh thu bán phòng nghỉ	37.363.638	45.000.002
b) Dài hạn	288.040.500	363.181.500
Doanh thu nhận trước hợp đồng hợp tác kinh doanh	288.040.500	363.181.500
Cộng	827.463.916	897.741.281

18. Phải trả khác

	30/6/2026 VND	01/01/2026 (Trình bày lại) VND
a) Ngắn hạn	6.536.153.453	11.522.700.133
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	3.102.973.594	2.159.455.732
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	106.400.000	105.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.326.779.859	9.258.244.401
Phải trả khen thưởng thi đua	-	1.880.820.000
Trích lợi nhuận quản lý và vận hành nhà khách	1.400.000.000	-
Các đối tượng khác	1.926.779.859	7.377.424.401
b) Dài hạn	1.858.000.000	1.858.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.858.000.000	1.858.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại HHK Việt Nam	1.010.000.000	1.010.000.000
Công ty Cổ phần Cái Mép	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH Quản lý Tài sản PT	325.000.000	325.000.000
Các đối tượng khác	23.000.000	23.000.000
Cộng	8.394.153.453	13.380.700.133

c) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026

đến ngày 30/6/2026

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

19. Dự phòng phải trả

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn		
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	11.860.842.666	12.391.866.730
Cộng	11.860.842.666	12.391.866.730

20. Vay

	30/6/2026	Tăng	Giảm	Đơn vị tính: VND 01/01/2026
a) Vay ngắn hạn	2.772.000.000	1.386.000.000	1.386.000.000	2.772.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	2.772.000.000	1.386.000.000	1.386.000.000	2.772.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Định (1)	2.772.000.000	1.386.000.000	1.386.000.000	2.772.000.000
b) Vay dài hạn	6.329.173.006	-	1.386.000.000	7.715.173.006
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Định (1)	6.329.173.006	-	1.386.000.000	7.715.173.006
Cộng	9.101.173.006	1.386.000.000	2.772.000.000	10.487.173.006

(1) Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số TD01/2024-HĐCVĐAT/NHCT380-X20 NAM DINH ngày 11/10/2024, số tiền cam kết cho vay không vượt quá 14.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay 60 tháng, lãi suất 6,8%/năm, mục đích sử dụng cho vay dự án đầu tư dây chuyền nhuộm liên tục, hoàn tất tại Công ty TNHH MTV X20 Nam Định (giai đoạn 1).

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	462.588.778	-
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	247.432.593	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	215.156.185	-

22. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Cộng
Số dư ngày 01/01/2025	172.500.000.000	69.776.933.289	47.418.086.810	289.695.020.099
Lãi trong năm trước	-	-	34.743.264.060	34.743.264.060
Chia cổ tức	-	-	(17.250.000.000)	(17.250.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026

đến ngày 30/6/2026

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(10.940.713.715)	(10.940.713.715)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	12.081.734.449	(12.081.734.449)	-
Phân phối lợi nhuận tại Công ty con	-	5.259.018.604	(6.276.495.254)	(1.017.476.650)
Phân chia lợi nhuận quản lý vận hành nhà khách	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Giảm khác	-	-	(124.760.544)	(124.760.544)
Số dư ngày 31/12/2025	172.500.000.000	87.117.686.342	32.487.646.908	292.105.333.250
Lãi trong kỳ này	-	-	17.650.920.665	17.650.920.665
Trích lập các quỹ (*)	-	5.000.000.000	(10.008.260.176)	(5.008.260.176)
Phân chia lợi nhuận quản lý vận hành nhà khách	-	-	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
Giảm khác	-	-	(141.952.698)	(141.952.698)
Số dư ngày 30/6/2026	172.500.000.000	92.117.686.342	38.588.354.699	303.206.041.041

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/6/2026 của Đại hội đồng cổ đông.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Bộ Quốc phòng	123.711.900.000	123.711.900.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cái Mép	5.000.000.000	5.000.000.000
Các đối tượng khác	43.788.100.000	43.788.100.000
Cộng	172.500.000.000	172.500.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	172.500.000.000	172.500.000.000
Vốn góp đầu kỳ	-	-
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	172.500.000.000	172.500.000.000
Vốn góp cuối kỳ	-	17.250.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d) Cổ phiếu

	30/6/2026 Cổ phiếu	01/01/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.250.000	17.250.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	17.250.000	17.250.000
Cổ phiếu phổ thông	17.250.000	17.250.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.250.000	17.250.000
Cổ phiếu phổ thông	17.250.000	17.250.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu		

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026

đến ngày 30/6/2026

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

e) Cổ tức

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/6/2026 thì Công ty chia cổ tức 10% trên Vốn điều lệ với số tiền là 17.250.000.000 đồng. Ngày 03/7/2026, Công ty đã có thông báo số 1032/TB-CTCP về việc chia cổ tức bằng tiền mặt, theo đó ngày đăng ký cuối cùng là 25/8/2026, ngày thanh toán cổ tức là 10/9/2026.

22. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ

	30/6/2026	01/01/2026
a) Hàng hóa, vật tư nhận giữ hộ		
Vải (mét)	126.907,00	213.775,00
Chỉ (cuộn)	3.035,00	2.400,00
Vải, bông, phun, nhám (yard)	99.717,00	34.887,50
Vật tư khác	2.503.720,99	2.671.810,04
	30/6/2026	01/01/2026
b) Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	531.401,81	276.266,09
c) Nợ khó đòi đã xử lý		
		Đơn vị tính: VND
	30/6/2026	01/01/2026
Công ty Cổ phần Cái Mép	8.912.276.971	8.912.276.971
Uniao Suprimentos Militares Ltda Ep	36.058.808	36.058.808
Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam	997.191.910	997.191.910
CK Diaz General Merchandise	1.450.952.832	1.450.952.832
Công ty Xây dựng 472 - BĐ12	208.881.400	208.881.400
Công ty CP Đầu tư Sản xuất và Thương mại Hòa An	1.038.257.550	1.038.257.550
Công ty TNHH Vải sợi Tín Nghĩa	259.856.436	259.856.436
Cộng	12.903.475.907	12.903.475.907

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ	514.171.820.097	427.885.087.180
Cộng	514.171.820.097	427.885.087.180

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026

đến ngày 30/6/2026

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Giá vốn bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ	415.409.563.986	360.847.467.559
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(319.068.789)	(497.930.627)
Cộng	415.090.495.197	360.349.536.932

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	3.437.704.996	1.626.408.475
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	16.286.038	71.788.209
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	245.811.353	191.959.470
Cộng	3.699.802.387	1.890.156.154

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Chi phí đi vay	475.994.046	481.865.396
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	20.053.911	21.704.693
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	389.961	-
Cộng	496.437.918	503.570.089

5. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	89.369.259	18.358.558
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	-	18.200.000
Thu nhập từ nhận hỗ trợ, đền bù	3.469.089	1.215.226.910
Thu nhập khác	640.400	9.938.997
Cộng	93.478.748	1.261.724.465

6. Chi phí khác

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Tiền phạt thuế và lãi chậm nộp bảo hiểm	656.687	1.661.628
Chi phí thanh lý TSCĐ	-	100.543.615

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026

đến ngày 30/6/2026

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

Chi phí khác	461.848	281
Cộng	1.118.535	102.205.524
7. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	9.113.291.995	6.774.806.888
Chi phí nhân viên bán hàng	1.665.349.546	1.087.924.027
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.675.959.950	1.578.307.706
Chi phí dụng cụ đồ dùng	59.872.138	128.477.444
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	77.320.502
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.520.136.353	1.308.275.133
Chi phí bằng tiền khác	1.191.974.008	2.594.502.076
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	71.112.090.810	56.023.030.663
Chi phí nhân viên quản lý	42.788.096.932	30.380.901.236
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	477.525.976	662.585.726
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.061.721.560	2.056.555.555
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.906.055.015	2.223.846.459
Thuế, phí, lệ phí	1.073.741.340	1.393.597.674
Chi phí dự phòng	376.539.998	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.127.408.378	4.167.203.448
Chi phí bằng tiền khác	20.301.001.611	15.138.340.565
c) Các khoản giảm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp	(621.450.745)	(11.491.873.136)
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	(407.814.382)	(2.531.029.275)
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(73.996.890)
Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học công nghệ	(213.636.363)	(4.500.000.000)
Hoàn nhập dự phòng tiền lương	-	(4.386.846.971)
8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
Giá mua hàng hóa đã bán	55.942.715.634	40.209.326.744
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	234.752.312.826	224.089.594.830
Chi phí nhân công	117.187.640.464	85.825.219.356
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.303.736.373	10.132.177.677
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.387.789.106	42.097.660.343
Chi phí bằng tiền khác	17.120.232.855	9.301.522.397
Cộng	494.694.427.257	411.655.501.347

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026

đến ngày 30/6/2026

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập năm chịu thuế hiện hành	5.718.660.989	3.712.992.466

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.650.920.665	15.230.045.760
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(2.798.272.200)
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(2.798.272.200)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban Điều hành (*)	-	(2.798.272.200)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.650.920.665	12.431.773.560
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	17.250.000	17.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	1.023	721

(*) Kỳ kế toán từ 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026, lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa được Công ty loại trừ số trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành do Công ty chưa có kế hoạch trích lập.

(**) Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến 30/6/2025 do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban Điều hành theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/6/2026, cụ thể như sau:

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025		
	Số trước điều chỉnh VND	Số điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.230.045.760	-	15.230.045.760
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(2.798.272.200)	(2.798.272.200)
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(2.798.272.200)	(2.798.272.200)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban Điều hành	-	(2.798.272.200)	(2.798.272.200)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.230.045.760	(2.798.272.200)	12.431.773.560
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	17.250.000	-	17.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	883	(162)	721

Trong kỳ, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ**1. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	1.386.000.000	1.386.000.000
Cộng	1.386.000.000	1.386.000.000

VIII. Những thông tin khác**1. Các cam kết**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với Nhà nước nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại các địa phương mà Công ty có cơ sở kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo các quy định hiện hành.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/6/2026 thì Công ty chia cổ tức 10% trên Vốn điều lệ với số tiền là 17.250.000.000 đồng. Ngày 03/7/2026, Công ty đã có thông báo số 1032/TB-CTCP về việc chia cổ tức bằng tiền mặt, theo đó ngày đăng ký cuối cùng là 25/8/2026, ngày thanh toán cổ tức là 10/9/2026.

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026.

3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a) Danh sách các bên liên quan:**Bên liên quan**

Bộ Quốc Phòng
 Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật
 Cục đối ngoại - Bộ Quốc phòng
 Cục Hậu cần - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật
 Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật
 Cục Quân y - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật
 Cục Chính trị - Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật
 Bộ Tham mưu - Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật
 Công ty Cổ phần 22
 Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28
 Công ty Cổ phần 26
 Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Đắk Lắk
 Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Hà Nội
 Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28

Mối quan hệ

Cổ đông sở hữu 71,72% vốn
 Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
 Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
 Đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật
 Đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật
 Đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật
 Đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật
 Đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật
 Đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật
 Đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật
 Đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật
 Đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật
 Đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật
 Đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026

đến ngày 30/6/2026

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

Kho 205 – Cục Quân nhu – Tổng cục Hậu cần - Kỹ Thuật

Công ty Cổ phần 199

Ông Chu Văn Đệ

Ông Hoàng Sỹ Tâm

Ông Hà Chí Khoa

Ông Phạm Văn Đông

Ông Lê Văn Nghĩa

Ông Lê Thiết Hùng

Ông Đỗ Hoàng Sơn

Ông Nguyễn Hữu Tâm

Bà Ngô Thị Hoa

Ông Nguyễn Đức Tuấn

Bà Phan Thị Thủy

Ông Nguyễn Văn Vinh

Đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật

Công ty liên kết

Chủ tịch HĐQT

Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc

Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 27/6/2025) -

Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/3/2025)

Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc

Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc

Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 22/6/2026) -

Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 07/4/2026)

Thành viên HĐQT độc lập

Thành viên HĐQT độc lập

Kế toán trưởng

Trưởng Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát

b) Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan**Mua hàng**

Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28

Công ty Cổ phần 22

Công ty Cổ phần 26

Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Hà Nội

Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Đắk Lắk

Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28

Bán hàng

Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật

Công ty Cổ phần 26

Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28

Cục đối ngoại - Bộ Quốc phòng

Cổ tức phải trả

Bộ Quốc Phòng

Chia lợi nhuận quản lý vận hành nhà khách

Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật

Từ 01/01/2026
đến 30/6/2026
VND

Từ 01/01/2025
đến 30/6/2025
VND

309.701.677

683.629.495

178.168.032

529.902.777

864.637.200

208.052.480

333.404.455.816

19.985.974.280

-

425.989.815

12.371.190.000

1.400.000.000

c) Số dư với các bên liên quan

30/6/2026

VND

01/01/2026

VND

Phải thu của khách hàng

Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật

-

259.639.000

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026

đến ngày 30/6/2026

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

Công ty Cổ phần 26	5.295.024.000	-
Phải trả người bán	-	12.847.387.801
Công ty Cổ phần 199	113.203.260	293.153.815
Công ty Cổ phần 26	572.295.000	176.544.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Hà Nội	382.751.136	152.257.536
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Đắk Lắk	-	6.100.670
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật	159.534.000	260.780.000
Công ty Cổ phần 22		
Người mua trả tiền trước	13.131.007.320	-
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật	1.394.167.000	-
Cục hậu cần - kỹ thuật/ Bộ đội biên phòng	460.836.000	-
Cục đối ngoại - Bộ Quốc phòng		
Phải trả khác	-	200.000.000
Bộ Tham mưu - Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật	-	200.000.000
Cục Chính trị - Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật	1.400.000.000	500.000.000
Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật		

d) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	2.274.202.129	1.757.974.666
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị	28.800.000	7.200.000
Thu nhập và thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát	45.600.000	75.200.000
Cộng	2.348.602.129	1.840.374.666

Chi tiết từng thành viên như sau:

Họ tên	Chức danh	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Ông Chu Văn Đệ	Chủ tịch Hội đồng quản trị	551.145.675	409.419.067
Ông Hoàng Sỹ Tâm	Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc	435.077.018	378.097.833
Ông Hà Chí Khoa	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 27/6/2025) - Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/3/2025)	-	91.520.598
Ông Phạm Văn Đông	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc	390.687.987	297.900.857
Ông Lê Văn Nghĩa	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc	391.644.530	298.836.444
Ông Lê Thiết Hùng	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 22/6/2026) - Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 07/4/2026)	165.223.822	-
Bà Ngô Thị Hoa	Kế toán trưởng	340.423.097	282.199.867
Ông Đỗ Hoàng Sơn	Thành viên HĐQT độc lập	14.400.000	2.400.000

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026

đến ngày 30/6/2026

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên HĐQT độc lập	14.400.000	4.800.000
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Trưởng ban (không chuyên trách)	26.400.000	39.200.000
Bà Phan Thị Thủy	Thành viên Ban kiểm soát	9.600.000	26.400.000
Ông Nguyễn Văn Vinh	Thành viên Ban kiểm soát	9.600.000	9.600.000
Cộng		2.348.602.129	1.840.374.666

3. Thông tin so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ phần X20 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, Công ty đã áp dụng Thông tư số 43. Theo đó, một số số liệu năm trước và kỳ trước đã được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo	Trình bày lại	Số sau trình bày lại
	VND	VND	VND
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 01/01/2026			
Các khoản tương đương tiền	60.000.000.000	210.486.300	60.210.486.300
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	25.904.122.466	109.625.752	26.013.748.218
Phải thu ngắn hạn khác	984.015.640	(320.112.052)	663.903.588
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	-	221.700.000	221.700.000
Phải trả ngắn hạn khác	11.744.400.133	(221.700.000)	11.522.700.133
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025			
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	(1.544.223.418)	17.957.439	(1.526.265.979)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.626.408.475	(17.957.439)	1.608.451.036

Phê duyệt, ngày 25 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Trần Thị Thúy Hằng



Ngô Thị Hoa



Chu Văn Đệ